

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Tên công ty
87	Eszopiclon	Chalkas 3	N2	3mg	Uống	Viên	893110372925	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	8.500	1.500	12.750.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BINH BO
88	Galantamin	Lemineg 4	N2	4mg	Uống	Viên	893110542024 (VD-33528-19)	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Sa Vi	Việt Nam	Viên	12.500	200	2.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BINH BO
89	Lamotrigin	Kauskas 100	N4	100mg	Uống	Viên	893110661424 (VD-28468-17)	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	4.600	400	1.840.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BINH BO
90	Levetiracetam	Levetral 500	N2	500mg	Uống	Viên nén bao phim	893110068300	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	6.500	3.000	19.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BINH BO
91	Levosulpirid	Evaldez 25	N2	25mg	Uống	Viên	VD-34676-20	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	2.350	5.000	11.750.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BINH BO
92	Levosulpirid	Evaldez 50	N2	50mg	Uống	Viên	893110358525	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	3.800	3.000	11.400.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BINH BO
93	Olanzapin	Savi Olanzapine 5	N2	5mg	Uống	Viên	893110371323 (VD-29124-18)	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Sa Vi	Việt Nam	Viên	1.490	5.000	7.450.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BINH BO
94	Olanzapin	Olanzap 5	N2	5mg	Uống	Viên nén tan trong miệng	893110294923	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Sa Vi	Việt Nam	Viên	950	20.000	19.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BINH BO
95	Paroxetin	Paroket 30	N2	30mg	Uống	Viên	893110663024 (VD-28479-17)	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	5.550	300	1.665.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BINH BO
96	Paroxetin	Everim	N4	10mg	Uống	Viên nén bao phim	893110047900 (VD-27321-17)	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại Dược phẩm Đồng Nam	Việt Nam	Viên	2.500	500	1.250.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BINH BO
97	Pregabalin	Lirystad 150	N3	150mg	Uống	Viên nang cứng	893110096124 (VD-30107-18)	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Liên doanh Stellapharm-Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	11.500	200	2.300.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BINH BO

Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Tên công ty
109 Zopiclon	Drexler	N2	7,5mg	Uống	Viên	893110046923	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	2.310	3.000	6.930.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH BÒ
17. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRẦN GIA TÂM													
110 Ginkgo biloba leaf extract	TEBURAP SOFTCAP	N2	120mg	Uống	Viên nang mềm	880200407725 (SDK cũ: VN-19312-15)	Dongkoo Bio&Pharma Co., Ltd	Hàn Quốc	Viên	6.500	35.000	227.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRẦN GIA TÂM
111 Lạc tiên, Vòng nem, Lá dâu	DUỜNG TÂM ĐDV	N3	5000mg 3000mg 1000mg	Uống	Cao lỏng	TCT-00312-25	Công ty CP Dược phẩm Việt (Đông Dược Việt)	Việt Nam	Ông	10.000	30.000	300.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRẦN GIA TÂM
112 Melatonin	MELAPYRI	N4	5mg	Uống	Viên nang cứng	893110466525	Công ty Cổ phần Dược phẩm Soha Vinex	Việt Nam	Viên	8.000	1.000	8.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TRẦN GIA TÂM
18. CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH DƯỢC MEDLINE USA													
113 Cao khô rễ Valerian 445mg	CALMNIGHT	N4	445mg	Uống	Viên nang mềm	VD-35230-21	Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l	Việt Nam	Viên	8.390	2.000	16.780.000	CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH DƯỢC MEDLINE USA
114 Cao nhân sâm 40mg, Cao Bạch quả 40mg, Tinh dầu tỏi 10mg	POWERTONA 3G	N2	40mg 40mg 10mg	Uống	Viên nang mềm	V342-H12-13 (VD-2334-06)	Công ty CP Korea United Pharm.Int'l	Việt Nam	Viên	3.880	5.000	19.400.000	CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH DƯỢC MEDLINE USA
19. CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ HUNG THỊNH													
115 Levettiracetam	Convolt 500 mg	N1	500mg	Uống	Viên nén bao phim	840110005025	Laboratorios CINFA, S.A.	Spain	Viên	14.280	200	2.856.000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ HUNG THỊNH
20. CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THUẬN THIÊN													
116 Amitriptylin hydroclorid	Teperinep	N1	25mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-22777-21	ExtractumPharma Co. Ltd.	Hungary	Viên	4.200	200	840.000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THUẬN THIÊN
117 Magnesium Valproate	Magecum Tab	N2	200mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	VN-20707-17	Myung-In Pharm. Co., Ltd.	Hàn Quốc	Viên	4.700	5.000	23.500.000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THUẬN THIÊN

Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Tên công ty
Vitamin B6 (Pyridoxin HCl); Vitamin PP (Nicotinamid); Vitamin B5 (calcium D-pantothenat); Vitamin B1 (Thiamin mononitrat); Vitamin B2 (Riboflavin)	B-Coenzyme	N4	10mg, 50mg, 25mg, 15mg, 15mg	Uống	Viên nén bao đường	893100271400 (Hiệu lực) (SDK cũ: VD-33617-19)	Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm	Việt Nam	Viên	4.200	130.000	546.000.000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THUẬN THIÊN
119 Piracetam	Ulcogen	N4	800mg	Uống	Dung dịch uống	893110931224 (Hiệu lực) (SDK cũ: VD-25548-16)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	7.949	200	1.589.800	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THUẬN THIÊN
120 Cholin alfoscerat	Ibafilin	N4	400mg	Uống	Viên nang mềm	VD-35859-22 (Hiệu lực)	Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	Viên	13.300	200	2.660.000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THUẬN THIÊN
Cao khô lá bạch quả (Extractum (Folii) Ginkgonis bilobae siccum) (tương đương với 4,4g lá bạch quả)	Originko	N4	80mg	Uống	Dung dịch uống	893200125700 (Hiệu lực) (SDK cũ: VD-32637-19)	Công ty Cổ phần dược phẩm Phương Đông- Chi nhánh 1	Việt Nam	Ống	8.790	3.000	26.370.000	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THUẬN THIÊN
122 Tolisopam	Diropan	N4	50mg	Uống	Viên nén	VD-34626-20 (Hiệu lực)	Công ty Cổ phần Dược ENLIE	Việt Nam	Viên	7.708	200	1.541.600	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM THUẬN THIÊN
21. CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE													
123 Aripiprazole	Arifero 15	N2	15mg	Uống	Viên nén	890110188323	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	10.000	2.000	20.000.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
124 Aripiprazole	Arifero 10	N2	10mg	Uống	Viên nén	VN-23224-22	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	7.000	1.000	7.000.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
125 Betahistin dihydrochloride	Hispetine-8	N2	8mg	Uống	Viên nén	VN-19761-16	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Viên	700	3.000	2.100.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
126 Donepezil HCl	Lupipezil	N2	5mg	Uống	Viên nén bao phim	890110009724	Jubilant Generics Limited	Ấn Độ	Viên	4.500	2.500	11.250.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
127 Donepezil HCl	Lupipezil	N2	10mg	Uống	Viên nén bao phim	890110009124	Jubilant Generics Limited	Ấn Độ	Viên	5.000	1.500	7.500.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK hoặc số GP/K	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị (tính)	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Tên công ty
128	Escitalopram (dưới dạng Escitalopram oxalate)	Eslo-10	N2	10mg	Uống	Viên nén bao phim	890110525324	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	5.500	5.000	27.500.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
129	Escitalopram (dưới dạng Escitalopram oxalate)	Eslo-20	N2	20mg	Uống	Viên nén bao phim	890110013924	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	11.700	1.500	17.550.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
130	Natri valproat	Braiporin syrup	N5	200mg/5ml; 100ml	Uống	Siro uống	VN-22277-19	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Chai	120.000	300	36.000.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
131	Olanzapine	Olangem OD 15	N2	15mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	VN-23105-22	Aurobindo Pharma Limited	Ấn Độ	Viên	2.000	1.500	3.000.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
132	Olanzapine	Olangem OD 10	N2	10mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	VN-23104-22	Aurobindo Pharma Limited	Ấn Độ	Viên	1.800	6.000	10.800.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
133	Olanzapine	Olangem OD 5	N2	5mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	VN-23107-22	Aurobindo Pharma Limited	Ấn Độ	Viên	1.200	5.000	6.000.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
134	Pregabalin	Prega 50	N2	50mg	Uống	Viên nang cứng	890110996724 (VN-21031-18)	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	7.800	600	4.680.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
135	Pregabalin	Prega 100	N2	100mg	Uống	Viên nang cứng	890110014124	Hetero Labs Limited	Ấn Độ	Viên	8.400	500	4.200.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
136	Pregabalin	Akugabalin	N2	150mg	Uống	Viên nang cứng	VN-21659-19	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Viên	2.150	500	1.075.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
137	Quetiapin (dưới dạng quetiapin fumarat)	Quitide 300	N2	300mg	Uống	Viên nén bao phim	890110001025	Aurobindo Pharma Limited	Ấn Độ	Viên	14.000	200	2.800.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
138	Quetiapin (dưới dạng quetiapin fumarat)	Quitide 25	N2	25mg	Uống	Viên nén bao phim	890110422523	Aurobindo Pharma Limited	Ấn Độ	Viên	4.000	1.000	4.000.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
139	Risperidon	Respiwel 1	N2	1mg	Uống	Viên nén	890110983424	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Viên	1.080	4.500	4.860.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
140	Risperidon	Risperinob-2	N2	2mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-16998-13	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd.	Ấn Độ	Viên	580	7.000	4.060.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
141	Sertralín (dưới dạng Sertralín hydroclorid)	Aurasert 100	N2	100mg	Uống	Viên nén bao phim	890110335425 (VN-22286-19)	Aurobindo Pharma Limited	Ấn Độ	Viên	2.940	1.200	3.528.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE

STT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	SDK hoặc số GPNK	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Tên công ty
142	Sertraline hydrochloride	Inosert-50	N2	50mg	Uống	Viên nén bao phim	VN-16286-13	Ipeca Laboratories Ltd.	Ấn Độ	Viên	1.500	3.500	5.250.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
143	Sucralfate	Sucrafil Suspension	N5	1g/10ml; 200ml	Uống	Hỗn dịch uống	VN-19105-15	Fourtis (India) Laboratories Pvt. Ltd.	Ấn Độ	Lọ	130.000	200	26.000.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
144	Venlafaxine (dưới dạng Venlafaxine Hydrochloride)	Venlift OD 75	N3	75mg	Uống	Viên nang giải phóng kéo dài	890110082623	Torrent Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	Viên	7.800	2.000	15.600.000	CÔNG TY TNHH Y-MED HEAL CARE
Tổng cộng: 144 mặt hàng													5.000.980.300	

